

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN MỨC ĐỘ ÁP DỤNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP ĐỊA PHƯƠNG

Ths. Lại Văn Đức*

Kế toán quản trị (KTQT) là một trong những nội dung quan trọng của kế toán; sử dụng kết hợp với các phương pháp kế toán chi phí hiện đại và nâng cao trách nhiệm của các nhà quản trị các cấp trong trường đại học công lập địa phương, giúp cho việc đưa ra quyết định quản lý tài chính của nhà trường trong bối cảnh tự chủ đại học. Bài viết này nghiên cứu tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ thực hiện KTQTCP trong các trường đại học công lập địa phương. Trên cơ sở đó, đưa ra gợi ý chính sách cho quản trị trong các trường đại học này.

• Từ khóa: kế toán quản trị chi phí; nhân tố ảnh hưởng; trường đại học công lập địa phương.

Management Accounting (MA) is one of the key aspects of accounting, combining modern cost accounting methods and enhancing the accountability of managers at all levels in local public universities. It supports financial management decision-making in the context of university autonomy. This article examines the impact of factors influencing the implementation level of cost management accounting in local public universities. Based on this, it provides policy recommendations for governance in these universities.

• Key words: cost management accounting; influencing factors; local public universities.

Ngày gửi bài: 23/12/2024

Ngày gửi phản biện: 02/01/2025

Ngày nhận và sửa sau phản biện: 17/01/2025

Ngày chấp nhận đăng: 23/01/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i281.07>

Giới thiệu

Ở Việt Nam, mô hình đại học địa phương bắt đầu xuất hiện từ năm 1997. Hiện nay, trên cả nước có 26 trường do các UBND tỉnh, thành phố quản lý. Các trường đại học địa phương có chức năng đào tạo nguồn nhân lực chủ yếu cho địa phương và các vùng lân cận; nghiên cứu khoa học, hợp tác và chuyển giao công nghệ để giải quyết các vấn đề cấp thiết của địa phương, của doanh nghiệp. Tuy nhiên, yêu cầu tự chủ đại học, khiến các trường đại học công lập địa phương gặp không ít khó khăn, thách thức. Điều này, đòi hỏi các trường buộc phải có phương thức quản lý hiệu quả trong tất cả các mặt về hoạt động chuyên môn, nghiên cứu khoa học, quản lý tài sản, tài chính...

Quản lý tài chính, bao gồm nhiều giải pháp khác nhau, trong đó, thực hiện kế toán quản trị chi phí là công cụ quan trọng để quản lý hiệu quả chi phí của các trường đại học này. Trong phạm vi bài viết, tác giả tập trung nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến thực hiện kế toán quản trị chi phí của các trường đại học địa phương. Trên cơ sở đó, đề xuất khuyến nghị thực hiện tốt kế toán quản trị chi phí nhằm quản lý hiệu quả chi phí bằng việc thực hiện tốt kế toán quản trị chi phí tại các trường đại học này trong bối cảnh thực hiện tự chủ đại học.

Cơ sở lựa chọn mô hình nghiên cứu

Để thực hiện việc nghiên cứu ảnh hưởng của các nhân tố tác động đến thực hiện kế toán quản trị chi phí (KTQTCP) trong các trường đại học công lập địa phương, tác giả lựa chọn chỉ tiêu sử dụng trong mô hình là: chỉ tiêu đo lường mức độ thực hiện KTQTCP.

Xây dựng giả thuyết

Trong phạm vi bài viết, tác giả đưa ra một số giả thuyết chính có liên quan đến nội dung các nhân tố ảnh hưởng đối với KTQTCP trong các trường đại học công lập địa phương, bao gồm:

Giả thuyết 1. Sự phân cấp, trong trường đại học công lập địa phương có ảnh hưởng đến mức độ áp dụng KTQTCP

Phân cấp, phân quyền trong trường đại học nói chung và đại học địa phương nói riêng là một trong những cơ sở quan trọng để thực hiện KTQT, trong đó có KTQTCP. Nếu không có phân cấp, phân quyền trong trường thì khó có thể áp dụng KTQTCP một cách hiệu quả. Vì thế, phân cấp, phân quyền quản lý trong trường vừa là tiền đề vừa là động lực thúc đẩy KTQT nói chung và KTQTCP nói riêng. Khi một trường đại học phát triển về quy mô, đòi hỏi sự phân cấp, phân

* Trường đại học Hùng Vương

quyền ngày càng trở nên cần thiết để đảm bảo cho công tác quản trị của nhà quản lý càng được sát với thực tế hoạt động của trường. Sự phân cấp, phân quyền của nhà trường nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý theo năng lực chuyên môn nhất định và phát huy được tính chủ động, sáng tạo của từng cấp quản trị cũng như của từng người quản trị riêng biệt. Theo đó, hoạt động quản trị trường đại học thường sử dụng hai phương pháp quản lý để đưa ra quyết định tối ưu, đó là ra quyết định tập trung và ra quyết định phân quyền. Các nhà quản trị cấp cao nhất (Ban giám hiệu) được quyền ra các quyết định tập trung, là những quyết định liên quan đến công việc quản lý toàn trường, các nhà quản trị cấp thấp hơn (các Khoa, Phòng, ban, Bộ môn) có nhiệm vụ thực hiện các quyết định đó trên tinh thần chủ động, sáng tạo và chịu trách nhiệm hoàn toàn về các quyết định thực thi nhiệm vụ của mình. Nói cách khác, trong trường cấp, phân quyền gồm nhiều đơn vị/bộ phận được giao những nhiệm vụ khác nhau nhằm thực hiện nhiệm vụ chung của toàn trường. Các đơn vị/bộ phận này có trách nhiệm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao trên tinh thần tự chủ, chủ động, sáng tạo và phải chịu trách nhiệm trước lãnh đạo nhà trường về những hoạt động thuộc nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Tác giả Joseph P. Vogel (1962) đề cập đến việc xây dựng và thiết lập KTQT, cho rằng “Kế toán quản trị phải được xây dựng trên cơ sở phân cấp, phân quyền quản lý nhằm thu thập thông tin thực hiện kiểm soát hoạt động tại các bộ phận, từ đó cung cấp thông tin cho lãnh đạo ra quyết định một cách có hiệu quả”. Nghiên cứu của Anderson, S.W(1995) đã chỉ rõ các nhóm nhân tố liên quan đến tổ chức phân cấp, phân quyền trong có ảnh hưởng khá lớn đến việc áp dụng KTQT. Sự phân cấp, phân quyền trong nhà trường đề phân tán mức độ độc lập trong việc ra quyết định của mỗi lãnh đạo. Năm 2012, Mojan Safa khi nghiên cứu về vai trò của KTQT trong cơ cấu tổ chức, tác giả cho rằng “Kế toán quản trị được thiết kế nhằm mục đích báo cáo và tập hợp chi phí, thể hiện trách nhiệm ở cấp độ cá nhân của nhà quản trị”.

Thực tế đã chứng minh trong công tác quản lý, khi một trường đại học xác định rõ vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu nhà trường sẽ tạo điều kiện cho họ có tinh thần trách nhiệm cao hơn, phấn đấu cải tiến quy trình hoạt động và phương thức quản lý nhằm đạt hiệu quả cao. Như vậy, vấn đề phân cấp, phân quyền càng rõ ràng càng tạo điều kiện cho nhà quản trị nâng cao được vai trò chủ động, sáng tạo và có trách nhiệm đối với những quyết định mình đưa ra trong quản lý. Điều này dẫn đến mức độ áp dụng KTQTCP trong nhà trường được chú trọng.

Giả thuyết 2. Quy mô của nhà trường có ảnh hưởng đến áp dụng KTQTCP

Quy mô của nhà trường được hiểu, bao gồm tổng số sinh viên, tổng tài sản của trường. Nhân tố này có ảnh hưởng đối với KTQTCP, thể hiện cụ thể ở chỗ trường

nào có số lượng sinh viên càng lớn thì số tiền thu được càng cao. Tài sản càng lớn chứng tỏ cơ sở vật chất càng nhiều, có nghĩa là quy mô càng lớn thì càng có điều kiện và cần thiết thực hiện KTQTCP. Nghiên cứu của Mojan Safa (2012), cho rằng quy mô về doanh thu, tổng tài sản và nguồn lực tài chính trong đơn vị có ảnh hưởng đến thực hiện KTQTCP. Theo đó, đơn vị có quy mô càng lớn, càng có khả năng cao trong việc áp dụng KTQTCP thành công.

Giả thuyết 3. Trình độ đào tạo của lãnh đạo (nhà quản trị) nhà trường có ảnh hưởng đến mức độ thực hiện KTQTCP

Nhiều nghiên cứu của nhiều tác giả khác nhau trong và ngoài nước đều cho rằng trình độ đào tạo của nhà quản trị có ảnh hưởng lớn đến thực hiện KTQTCP trong trường đại học. Trong công trình nghiên cứu về KTQTCP. Nghiên cứu của Nyakuwanika (2012) đưa ra nhận định “Trình độ đào tạo của nhà quản trị có ảnh hưởng tỷ lệ thuận đến việc áp dụng KTQTCP”. Nghĩa là, một đơn vị có các nhà quản trị được đào tạo bài bản về kiến thức quản trị và kiến thức tài chính kế toán thì sẽ có điều kiện thực hiện KTQTCP vào đơn vị tốt hơn các đơn vị mà lãnh đạo có trình độ đào tạo thấp. Đặc biệt, sự hiểu biết về tác dụng của KTQTCP trong quản trị đối với đội ngũ lãnh đạo này.

Giả thuyết 4. Trình độ đào tạo của nhân viên kế toán

Trình độ đào tạo của nhân viên kế toán trong nhà trường là nhân tố tác động đến thực hiện KTQTCP. Trình độ chuyên môn và trình độ công nghệ thông tin của kế toán viên được thể hiện qua trình độ, kiến thức và kỹ năng mà họ có được thông qua giáo dục và đào tạo. Chức năng của KTQTCP là cung cấp thông tin chi phí cho nhà quản trị nhằm đưa ra các quyết định quản lý chi phí đạt hiệu quả cao nhất. Thực hiện chức năng đó, nhân viên kế toán phải có kiến thức, kỹ năng liên quan đến ghi chép, đo lường, trình bày và công bố thông tin chi phí. Trình độ của nhân viên là một nhân tố quan trọng để có thể thực hiện KTQTCP đạt hiệu quả cao. Trình độ đào tạo của nhân viên kế toán tốt thể hiện ở khả năng lập dự toán chi phí, tổ chức hạch toán, lập và phân tích báo cáo chi phí tốt.

Giả thuyết 5. Nhân tố công nghệ

Cách mạng Công nghệ 4.0 (CMCN 4.0) đã tác động sâu rộng và làm thay đổi cơ bản phương pháp thực hiện kế toán hiện nay, thông qua việc áp dụng chứng từ điện tử, sử dụng phần mềm tổng hợp và xử lý dữ liệu trong môi trường tin học hóa, giúp tiết kiệm thời gian và công sức, và loại bỏ các hạn chế về không gian và địa lý. Trong bối cảnh này, việc nghiên cứu các yếu tố tác động của công nghệ số đối với lĩnh vực kế toán trở nên vô cùng quan trọng, giúp ngành này vượt qua thách thức và tận dụng cơ hội trong KTQTCP. Có thể thấy rằng công nghệ đang thay đổi cách thức thực hiện công

việc kế toán, trong đó có KTQTCP. Tùy thuộc vào quy mô hoạt động, nhu cầu, tài chính và các yếu tố khác, nhà trường sẽ lựa chọn cho mình các mức độ ứng dụng công nghệ trong công tác kế toán khác nhau từ bán thủ công đến tự động hóa công tác kế toán.

Ngày nay, bên cạnh những thay đổi mạnh mẽ về công nghệ số phải kể đến tiền bộ trong công nghệ hiện đại tác động mạnh mẽ đến kế toán nói chung và KTQTCP nói riêng.

Các biến trong mô hình

Biến phụ thuộc: Tác giả lựa chọn và sử dụng biến phụ thuộc là mức độ thực hiện KTQTCP trong các trường đại học địa phương.

Biến độc lập: Các nhân tố ảnh hưởng và các biến có liên quan đưa vào mô hình nghiên cứu qua bảng 1.

Bảng 1. Các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ thực hiện KTQTCP

STT	Nội dung
1	Phân cấp, phân quyền trong trường đại học địa phương + Mức độ phân cấp trong trường; + Mức độ phân quyền giữa nhà quản trị các cấp trong trường; + Mức độ ủy quyền và trách nhiệm của nhà quản trị các cấp trong trường.
2	Quy mô của nhà trường + Tổng số sinh viên và tổng tài sản của trường; + Khả năng đảm bảo kinh phí cho đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác tài chính, kế toán; + Khả năng đáp ứng phần mềm hỗ trợ cho KTQTCP.
3	Trình độ đào tạo của các nhà quản trị + Mức độ được đào tạo lý luận của nhà quản trị về KTQTCP; + Kinh nghiệm thực tế trong thực hiện KTQTCP của nhà quản trị; + Độ tuổi của nhà quản trị các cấp trong nhà trường.
4	Trình độ đào tạo của nhân viên kế toán + Trình độ chuyên môn của nhân viên kế toán nhà trường; + Trình độ công nghệ thông tin của nhân viên kế toán nhà trường; + Khả năng lập dự toán chi phí của nhân viên kế toán; + Mức độ hỗ trợ của các bộ phận trong phân tích báo cáo chi phí
5	+ Mức độ kết nối toàn diện giữa các thiết bị, quy trình sản xuất và hệ thống thông tin thông qua Internet of Things (IoT) + Phần mềm kế toán sử dụng phù hợp, đáp ứng yêu cầu về KTQTCP + Áp dụng công nghệ tiên tiến trong KTQTCP

Phương pháp nghiên cứu

Tác giả đã sử dụng số liệu thu thập được từ các Báo cáo tài chính của một số trường đại học địa phương trong thời gian 5 năm liên tục 2020- 2024. Mẫu nghiên cứu là 15 trường trong 3 năm nói trên. Như vậy, sẽ có 75 quan sát.

Mô hình nghiên cứu

Nếu ký hiệu ảnh hưởng đến mức độ thực hiện KTQTCP trong các trường đại học địa phương là KTQTCP và các nhân tố ảnh hưởng đến KTQTCP trên đây theo thứ tự PC, QM, TDQL, TDKT và CN, khi đó mô hình nghiên cứu sẽ có dạng sau:

$$KTQTCP = m_0 + m_1PC + m_2QM + m_3TDQL + m_4TDKT + m_5CN + \varepsilon$$

Trong đó: + m_i là hệ số hồi quy (còn gọi là mức độ tác động của i đến KTQTCP (mức độ thực hiện KTQTCP)

+ ε là phần dư của hàm hồi quy hay là mức độ tác động bởi các nhân tố khác chưa được tìm thấy.

Kiểm định mô hình nghiên cứu

Tác giả sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính đa biến. Kết quả phân tích hồi quy thể hiện ở bảng 2 dưới đây:

Bảng 2. Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính đa biến

Model	Standardized Coefficients		Standardized Coefficients	T	Sig.	Collinearity Statistics	
	B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
(constant)	1,218	,152		4,762	,000		
PC	,209	,146	,226	4,642	,000	,328	1,293
QM	,218	,063	,222	3,902	,000	,345	2,761
TDQL	,245	,037	,246	3,115	,003	,380	3,224
TDKT	,268	,031	,249	3,117	,004	,382	3,225
CN	,242	,029	,222	3,134	,003	,327	3,212

ANOVA

Model	Sum of Squares	Df	Mean Square	F	Sig.
Regression	62,324	9	14,268	20,652	,000
Residual	112,231	66	,492		
Total	177,555	75			

Bảng 3. Model Summary

Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Change Statistics					Watson
					R Square Change	F change	Df1	Df2	Sig.F Change	
1	,661	,772	,746	,48038	,753	21,232	9	150	,000	1,872

Để kiểm định mô hình có thỏa mãn mô hình hồi quy hay không và các biến độc lập tác động đến biến phụ thuộc cũng như mức độ áp dụng KTQTCP trong các trường đại học công lập địa phương như thế nào, tác giả thực hiện các kiểm định sau:

+ **Kiểm định hệ số hồi quy (Coefficients):** qua kết quả kiểm định ở bảng 2 thấy rằng giá trị tin cậy Sig. chỉ từ 0,000 đến 0,004 đều < 0,05 nên 5 biến độc lập tương quan và có ý nghĩa với biến phụ thuộc về mức độ thực hiện KTQTCP trong các trường đại học công lập địa phương với độ tin cậy trên 96%.

+ **Kiểm định hiện tượng đa cộng tuyến (Multiple Cllinearity):** Kết quả trên bảng 2 cho thấy Độ phóng đại phương sai (VIF) đều < 10. Như vậy, không có hiện tượng đa cộng tuyến.

+ **Kiểm định mức độ phù hợp của mô hình (Adjustes R Square):** Kết quả Kiểm định F của các biến độc lập đầy đủ, tin cậy có giá trị Sig. =0000< 0,05 (số liệu trên bảng 3: Model Summary). Biến phụ thuộc được giải thích bởi 5 biến độc lập và sự biến động của các biến độc lập: Phân cấp, phân quyền; Quy mô nhà trường; Trình độ đào tạo của nhà quản trị; Trình độ đào tạo của nhân viên kế toán nhà trường và nhân tố công nghệ, giải thích được 74,6% mức thay đổi về mức độ thực hiện KTQTCP trong các trường đại học công lập địa phương. Đồng thời, nếu có sự gia tăng của biến độc lập sẽ giải thích được thêm 77,2% biến phụ thuộc (Model Summary).

Thông qua kết quả khảo sát, phân tích mẫu 15 trường đại học công lập địa phương doanh với 75 quan sát bằng phương pháp thực hiện phân tích EFA để đánh giá giá trị hội tụ và phân biệt của thang đo nhằm đảm bảo các biến đưa vào phân tích đạt yêu cầu tốt nhất. Qua kiểm định hệ số hồi quy tuyến tính, kiểm định hiện

tượng đa cộng tuyến và kiểm định mức độ phù hợp của mô hình, kết quả cho thấy mô hình phù hợp với việc thực hiện hồi quy tuyến tính đa biến. Phương trình hồi quy tuyến tính biểu hiện như sau:

$$KTQTCP = 1,218 + 0,209PC + 0,258QM + 0,245TDQL + 0,268DTKT + 0,242TS$$

Qua kết quả kiểm định trên đây có thể kết luận mức độ thực hiện KTQTCP trong các trường đại học công lập địa phương từ năm 2020-2014 chịu ảnh hưởng bởi 5 nhân tố: (1) Phân cấp, phân quyền trong nhà trường; (2) Quy mô của trường; (3) Trình độ đào tạo của nhà quản trị trong trường; (4) Trình độ của nhân viên kế toán nhà trường và (5) Nhân tố công nghệ.

Gợi ý chính sách quản trị trong các trường đại học công lập địa phương

Từ việc nghiên cứu lý luận và thực tiễn về KTQT trong các trường đại học công lập địa phương thuộc mẫu nghiên cứu thông qua mô hình kinh tế lượng trên đây, tác giả gợi ý một số vấn đề cơ bản liên quan đến việc thực hiện KTQTCP trong các đơn vị này, góp phần quản trị hiệu quả quá trình đào tạo và công tác quản lý chi phí của nhà trường trong bối cảnh đổi mới hệ thống giáo dục Việt Nam:

Một là, cần tăng cường tổ chức phân cấp, phân quyền và trách nhiệm trong nhà trường

Để tăng cường thực hiện KTQTCP trong các trường đại học công lập địa phương, trước hết lãnh đạo các trường cần chủ động nâng cao nhận thức, thực hiện tốt việc phân cấp, phân quyền; xác định trách nhiệm rõ ràng đối với từng bộ phận của nhà trường; thực hiện việc ủy quyền phù hợp với trách nhiệm của từng nhà quản trị trong từng đơn vị chức năng nhằm tạo điều kiện cho các nhà quản trị các cấp chủ động, sáng tạo trong thực thi chức năng, nhiệm vụ của họ cũng như của các nhân viên trong các bộ phận. Trên cơ sở đó, tạo điều kiện cho các nhà quản trị các cấp phát huy tinh thần sáng tạo, tự chủ trong công tác đào tạo và quản lý tài chính nhằm đạt hiệu quả cao nhất, đồng thời tạo điều kiện cho nhà quản trị cấp cao đánh giá được hiệu quả cũng như trách nhiệm của các nhà quản trị cấp dưới.

Hai là, nâng cao trình độ đào tạo của nhà quản trị các cấp

Lãnh đạo các trường cần chủ động trong việc phối hợp với các doanh nghiệp, cơ quan trong cả nước để xây dựng được những chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn và dài hạn phù hợp cho đội ngũ những nhà quản trị các cấp trong trường, tạo điều kiện cho đội ngũ này nắm chắc nghiệp vụ về tài chính, kế toán, quản lý tài sản và quản lý nhân sự. Định kỳ, thực hiện các chương trình bồi dưỡng, cập nhật kiến thức quản lý cho các cấp lãnh đạo và kiến thức chuyên môn cho nhân viên tài chính, kế toán của trường.

Ba là, xây dựng chế độ trách nhiệm vật chất rõ ràng, nghiêm minh đối với người quản lý và người lao động

Chế độ trách nhiệm vật chất mà trọng tâm là các quy chế, quy định về khen thưởng, kỷ luật hợp lý đối với từng tập thể và cá nhân trong từng bộ phận của đơn vị cũng như trong toàn trường cần được xây dựng phù hợp với đặc điểm của từng giai đoạn phát triển của nhà trường. Chế độ khen thưởng cần đảm bảo quy định cụ thể, chi tiết về mức thưởng, phạt nhằm khuyến khích tập thể và cá nhân người lao động phấn đấu giảm chi phí, nâng cao hiệu quả công tác. Chế độ kỷ luật cũng cần quy định cụ thể về những vi phạm mà người lao động mắc phải.

Bốn là, đảm bảo nguồn tài chính phục vụ cho việc áp dụng KTQT nói chung và KTQTCP nói riêng trong nhà trường

Để thực hiện việc áp dụng KTQTCP trong trường đại học công lập địa phương đạt được hiệu quả tích cực, trước hết nhà trường cần có nguồn tài chính dồi dào và có kế hoạch chi phí thỏa đáng cho các công việc thực hiện KTQTCP như chi phí đầu tư trang thiết bị, đầu tư đổi mới công nghệ, đào tạo nhân viên nghiệp vụ về tài chính kế toán và các chi phí khác đảm bảo cho áp dụng KTQTCP đạt kết quả tốt nhất...

Năm là, tăng cường công tác lập dự toán, phân tích chi phí

Nhà trường cần chú trọng đến công tác lập dự toán và phân tích đối với các chỉ tiêu quản trị, đặc biệt là các chỉ tiêu chi phí. Vì dự toán là cơ sở để nhà trường phân bổ thực hiện tốt các chỉ tiêu đã xây dựng trong hoạt động. Lựa chọn phương pháp lập dự toán phù hợp, áp dụng phương pháp tiên tiến trong lập dự toán và phương pháp phân tích báo cáo chi phí hiện đại.

Sáu là, tăng cường đầu tư công nghệ tiên tiến trong công tác kế toán.

Để thực hiện điều này, nhà trường cần đảm bảo nguồn tài chính trang bị cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, mua sắm trang thiết bị, phần cứng, phần mềm sử dụng cho công tác kế toán và quản lý tài sản, đồng thời đảm bảo nguồn tài chính cho đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ công nghệ của nhân viên kế toán.

Kết luận: Các nhân tố ảnh hưởng đến thực hiện KTQTCP cũng như một số đề xuất kiến nghị có liên quan chặt chẽ với nhau. Xác định chính xác mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến thực hiện KTQTCP trong các trường đại học công lập địa phương nhằm gợi ý được một số vấn đề liên quan đến quản lý hiệu quả tình hình tài chính của nhà trường thông qua việc thực hiện hiệu quả kế toán quản trị chi phí trong các trường đại học công lập thuộc địa phương quản lý.

Tài liệu tham khảo:

- Atkinson và cộng sự (2011) "Cost management accounting in public non-business units", *European journal of business and management*, 5(1), pp.217-229
- Mojan Safa(2012), "Examining the Role of Responsibility Accounting in organizational Structure", *American Academic & Scholarly Research Journal*, 4(5)
- Joseph, (1962), " Rudiments of Responsibility Accounting in Public Utilities", *National Association of Accountants. NAA Bulletin (pre-1986)*, 43(5) p. 69
- Nyakwanika (2012) "Responsibility Accounting: A Tool for managerial Control in the public sector", *Journal of business studies and Research*, 8(2), pp.123-118